

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1974*/STP-XDKTVB

Đồng Nai, ngày *25* tháng *10* năm 2017

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3389/LĐTBXH-VPGN ngày 13/10/2017 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị thẩm định Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ dự thảo được cơ quan soạn thảo gửi đến theo quy định gồm:

- Công văn đề nghị thẩm định;
- Dự thảo Nghị quyết, Tờ trình;
- Báo cáo số 451/SLĐTBXH-VPGN ngày 13/10/2017 tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý về dự thảo Nghị quyết, bản sao văn bản góp ý của các đơn vị.

II. Đánh giá chung nội dung dự thảo xây dựng

1. Về căn cứ pháp lý làm cơ sở xây dựng: cơ quan soạn thảo liệt kê đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương điều chỉnh trực tiếp đến nội dung của dự thảo.

2. Sự cần thiết ban hành: Căn cứ các quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, điểm g khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 10, khoản 10 Điều 21 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (Thông tư số 15/2017/TT-BTC), để có cơ sở cho việc thực hiện các nội dung, mức hỗ trợ đảm bảo phù hợp điều kiện kinh tế xã hội địa phương, việc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết nêu trên là cần thiết.

III. Thẩm định nội dung dự thảo xây dựng

1. Đối với dự thảo Nghị quyết

a) Tại phần căn cứ ban hành, căn cứ Điều 61 quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đề nghị:

Tại căn cứ thứ 05 sửa như sau:

“Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020;”

b) Tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 2, đối với tổng kinh phí thực hiện các nội dung cho cả giai đoạn (năm 2018-2020), đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày tại bảng dự toán kinh phí riêng kèm theo Tờ trình của UBND tỉnh để làm rõ hơn phần kinh phí thực hiện và phân kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

Căn cứ quy định tại Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT-BTC, tại dự thảo Nghị quyết nên quy định cụ thể mức chi phù hợp với mỗi nội dung thực hiện cần được đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (Chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; Chi xây dựng và quản lý dự án; Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn theo tính chất từng dự án; Chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã).

Đối với những nội dung quy định trách nhiệm của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh mức hỗ trợ tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC như: Hỗ trợ phương tiện nghe-xem hay đối với các dự án như dự án diêm nghiệp, dự án nuôi trồng thủy hải sản, cơ quan soạn thảo căn cứ vào thực tế địa phương để xem xét cần thiết tham mưu xây dựng mức hỗ trợ hoặc không hỗ trợ, nhằm đảm bảo tính khả thi của Nghị quyết (Ví dụ: Hỗ trợ phương tiện nghe –xem, không đề xuất tham mưu hỗ trợ nội dung này vì tại địa phương không thiếu hụt phương tiện nghe –xem).

c) Tại điểm c khoản 1 Điều 2

- Theo như cách trình bày tại dự thảo Nghị quyết, dự án khuyến nông hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề nông nghiệp và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thì ngoài việc hỗ trợ đối với các dự án về hỗ trợ giống, chuồng trại, thức ăn, công cụ sản xuất, thuốc bảo vệ thực vật...hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án còn được hỗ trợ với mức tối thiểu như trình bày tại dự thảo Nghị quyết.

Đồng thời, với nội dung giải trình tại Báo cáo số 451/SLĐTBXH-VPGN của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày nội dung chính xác hơn, tránh hiểu không đúng về nội dung quy định.

- Đối với đoạn “đảm bảo mức hỗ trợ hộ mới thoát nghèo...của từng dự án, mô hình”, nội dung quy định này không có cơ sở để đảm bảo thực hiện vì nội dung dự thảo đã quy định 10 triệu đồng/ hộ sinh sống tại địa bàn xã khu vực II, áp đặc biệt khó khăn; 8 triệu đồng/hộ sinh sống ở những vùng còn lại.

Như vậy, khi thực hiện chi hỗ trợ, mức chi cho các hộ sẽ được căn cứ vào khu vực, nơi sống để thực hiện. Do đó việc quy định đoạn trên là không khả thi.

Nội dung quy định về việc đảm bảo mức hỗ trợ hộ mới thoát nghèo không vượt quá mức hỗ trợ hộ cận nghèo, mức hỗ trợ hộ cận nghèo không vượt quá

mức hỗ trợ hộ nghèo, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, tính chất của từng dự án tại điểm g khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC (theo nội dung góp ý tại Văn bản 1859/STP-XDKTVB ngày 12/10/2017 của Sở Tư pháp) là cơ sở để cơ quan soạn thảo tham mưu xây dựng mức chi hỗ trợ phù hợp dựa trên đối tượng được hỗ trợ (hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo).

Để phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp theo chủ trương của Tỉnh là ưu tiên vùng khó khăn (nội dung giải trình tại Báo cáo giải trình số 451/SLĐTBXH-VPGN), đề nghị cơ quan soạn thảo:

Tham mưu xây dựng mức chi hỗ trợ phù hợp vừa dựa trên đối tượng được hỗ trợ và cả địa bàn sinh sống, đảm bảo mức hỗ trợ hộ mới thoát nghèo không vượt quá mức hỗ trợ hộ cận nghèo, mức hỗ trợ hộ cận nghèo không vượt quá mức hỗ trợ hộ nghèo. Đồng thời, mức hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo ở địa bàn xã khu vực II, áp đặc biệt khó khăn cao hơn mức hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo ở những vùng còn lại (mức hỗ trợ tương ứng theo các đối tượng, khu vực sinh sống: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo ở địa bàn xã khu vực II, áp đặc biệt khó khăn; Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo ở những vùng còn lại trong tỉnh).

- Tương tự đối với nội dung quy định tại gạch ngang thứ 2 điểm c khoản 1 Điều 2, đối với dự án phát triển ngành nghề và dịch vụ.

d) Tại điểm a khoản 2, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét cơ sở pháp lý việc tham mưu trình HĐND tỉnh thông qua nội dung chi này vì theo quy định tại Điều 20 và 21 Thông tư 15/2017/TT-BTC, không quy định trách nhiệm HĐND tỉnh quyết định nội dung này, nội dung chi và mức chi nâng cao năng lực, quản lý, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình theo quy định của văn bản có liên quan của Trung ương (các Thông tư của Bộ Tài chính).

e) Tại Điều 3, cơ quan soạn thảo không cần thiết phải viện dẫn quy định về nguyên tắc, điều kiện và phương thức hỗ trợ tại điều 7 Thông tư 15/2017/TT-BTC.

Theo đó, nên có nguyên tắc hỗ trợ của địa phương để tránh việc thực hiện hỗ trợ không bị chông chéo khi có trường hợp một đối tượng thực hiện một nội dung nhưng được hỗ trợ nhiều lần tại nhiều Chương trình khác nhau (ví dụ như: Nếu cùng một nội dung, các đối tượng đã được ngân sách tỉnh hỗ trợ theo các quy định khác thì không được hỗ trợ theo Quy định này hoặc được lựa chọn một chính sách hỗ trợ tốt nhất).

g) Về bố cục trình bày, đề nghị trình bày phần tiêu đề của Điều và bố cục phù hợp hơn như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

Điều 4. Tổ chức thực hiện”

2. Đối với dự thảo Tờ trình

a) Các nội dung quy định tại khoản 2 mục IV- nội dung cơ bản, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết và theo góp ý của Sở Tư pháp tại khoản 1 mục này.

b) Đối với nội dung trình bày tại bảng biểu vì không chỉ quy định mức hỗ trợ (chữ số) mà còn có các nội dung khác, để thuận lợi cho việc theo dõi cơ quan soạn thảo có thể trình bày các nội dung cần được HĐND tỉnh quyết định tương tự như dự thảo Nghị quyết còn các nội dung tại bảng biểu nên kèm theo Tờ trình để làm rõ hơn mức đề xuất của UBND tỉnh.

Tương tự đối với các nội dung tại phụ chú, cơ quan soạn thảo trình bày riêng tại bảng dự toán ngân sách thực hiện hỗ trợ các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 kèm theo Tờ trình, với các mục cụ thể như: Số lượng dự án/năm, số hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo tham gia dự án trong năm, những nội dung có thực hiện hỗ trợ kinh phí, kinh phí hỗ trợ cho từng dự án, từng năm, tổng kinh phí của từng năm (năm 2018, 2019, 2020), trên cơ sở tổng kinh phí từng năm, tổng hợp thành tổng kinh phí cả giai đoạn.

*** Kết luận thẩm định**

Sở Tư pháp nhất trí với dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp tục nghiên cứu, chỉnh lý những nội dung trao đổi của Sở Tư pháp nêu trên để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- TTTĐT Sở;
- Lưu: VT, XDKTVB.
(Binh-TĐ)



Võ Thị Xuân Đào